

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06 – 12 – 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Liệt
Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chí Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp 3, xã 4, huyện 5, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số nhà 245, ấp 1, xã 2, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng H trình bày:

Chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 09/3/2010 tại UBND xã 2, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn, chị H và anh T có quen biết, tìm hiểu trước. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện không ai cưỡng ép, hay lừa dối kết hôn. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng nửa năm thì phát sinh mâu

thuần, do anh T tính tình khó khăn, cọc cằn, thường xuyên nhậu về mắng chửi chị, đập phá đồ đạc trong nhà và đánh chị. Chị và gia đình chồng đã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau, do vợ chồng không có gặp gỡ và liên lạc với nhau để hàn gắn. Hiện nay chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Chị H và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Anh T1, sinh ngày 18/4/2010. Từ khi chị H và anh T ly thân đến nay, cháu T1 sống với chị H. Trong thời gian chị H và anh T chung sống với nhau, anh chị không có tạo ra tài sản chung gì, không có nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.
- Về con chung: Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 18/4/2010 đến khi cháu T1 thành niên, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T không có ý kiến trình bày.*
- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H: Cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 18/4/2010 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T1 thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 23/7/2019 của chị Lê Thị Hồng H (bản chính).
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Lê Thị Hồng H (bản sao chứng thực).
- Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Hồng H (bản sao).
- Giấy khai sinh của Nguyễn Anh T1 (bản sao chứng thực).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện 6, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 09/3/2010 tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện không ai cưỡng ép, hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị H và anh T là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định: Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T tính tình khó khăn, cộc cằn, thường xuyên nhậu về mắng chửi chị, đập phá đồ đạc trong nhà và đánh chị. Chị và gia đình chồng đã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị và anh T ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm với nhau, do vợ chồng không có gặp gỡ và liên lạc với nhau để hàn gắn. Hiện nay, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, từ lúc chị H và anh T ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Anh T1 sống với chị H. Mặt khác, cháu T1 là nữ, nên cần có sự quan T, chăm sóc chu đáo của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về mặt thể chất và tinh thần cho cháu. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu T1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T1 thành niên. Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị H xác định chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 18/4/2010 cho chị Lê Thị Hồng H được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu T1 thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu.

Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Lê Thị Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BH/2018/0003897 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình; Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trần Thị Bạch Phiến